

Bản án số: 119/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 02 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn, tranh
chấp về nuôi con, tranh chấp về
chia tài sản chung vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phương Tín
2. Ông Lưu Bình Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Diệu Thu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 498/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp chia tài sản chung vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông T T H, sinh năm 1979; địa chỉ: x hẻm x Phố xx, phường xx, thị xã xx, huyện xx, Đài Loan – Trung Quốc. Tạm trú: Căn hộ xx xx, lô x, Tầng x, số xx Lạc Long Quân, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà N T N B, sinh năm 1984, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Bản Việt; địa chỉ: x Đặng Tất, phường xx, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

Bị đơn: Bà T T N H, sinh năm 1981; địa chỉ: Hộ khẩu thường trú: x lâu x, Trần Chánh Chiêu, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Căn hộ xx xx, lô x, Tầng x, số xx Lạc Long Quân, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

Người phiên dịch: Bà L T T T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn x, xã xxx, huyện xx, tỉnh Bình Định; (vắng mặt).

Người phiên dịch: Bà B T S, sinh năm 1992; địa chỉ: KDC Đồng Tâm, xã xx, huyện xx, tỉnh Hải Dương; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn là ông T T H trình bày:

Về hôn nhân:

Ông T T H và bà T T N H quen biết thông qua người quen giới thiệu, tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân. Vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 3912, Quyền số 14 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2009.

Quá trình chung sống giữa ông H với bà H2 phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống khác biệt nhau. Sự việc đã diễn ra trong nhiều năm. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không được. Ông H xác định hai bên không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để rõ ràng về mặt pháp lý.

Về con chung:

Ông T T H và bà T T N H có với nhau hai người con chung là trẻ T T N (nam, sinh ngày 23/12/2014) và trẻ T Đ N2 (nữ, sinh ngày 21/11/2017). Tại đơn khởi kiện, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà H2 cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 28/10/2022, giữa ông H và bà H2 đã thỏa thuận giao cho bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N2; ông H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N; ông H và bà H2 không phải phụ tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Sau đó, bà H2 đã dẫn trẻ N2 bỏ đi và không tiếp tục đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nên hai bên không thể thỏa thuận lại. Do đó nếu ly hôn, ông H xin được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T T N. Ông H đồng ý giao trẻ T Đ N2 cho bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng phụ tiền cho bên nào nuôi con.

Về tài sản chung:

Quá trình chung sống thì ông H và bà H2 đã tạo lập được tài sản chung gồm:

- Căn hộ số xx, lô x, tầng x chung cư cao tầng số xx Lạc Long Quân, Phường x, Quận xx (chung cư Hoa Sen) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT72974 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/4/2018. Tài sản này có giá trị là 1.000.000.000 đồng.

- Căn hộ mã số Xx, tầng lầu x, khối x Dự án Natural Poem, tại địa chỉ x (số mới x) Kinh Dương Vương, phường xx, quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán căn hộ số 655/HĐ-XH ngày 27/12/2019. Căn hộ này là do vợ chồng ông H, bà H2 nhờ bà T T A V đứng tên hợp đồng mua. Tài sản này có giá trị là 1.000.000.000 đồng.

- Căn nhà ký hiệu số Xx tại Dự án khu dân cư ven sông The Hestia theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán nhà ở số HTA-D-8 giữa Công ty Cổ phần Địa ốc Mỹ Hạnh Đức Hòa với bà T T N H và bà N T Q N, ký ngày 02/3/2020. Tài sản này có giá trị là 2.400.000.000 đồng. Trong đó phần sở hữu của bà N là 50% tương đương 1.200.000.000 đồng; phần sở hữu của vợ chồng ông H, bà H2 là 1.200.000.000 đồng.

- Thửa đất tại Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP290624, Thửa đất số 419, Tờ bản đồ số 4 (thuộc quyền sử dụng của ông P V H3 và bà N T X N3. Bà H2 là cháu của ông P V H3) và theo Giấy thỏa thuận bán đất do ông P V H3 và bà N T X N3 lập ngày 27/3/2019. Tài sản này có giá trị là 400.000.000 đồng.

Ông T T H xin rút lại yêu cầu giải quyết tranh chấp phân chia tài sản chung vợ chồng đối với các tài sản gồm: Căn hộ mã số Xx, tầng lầu x, khối x Dự án Natural Poem, tại địa chỉ x (số mới x) Kinh Dương Vương, phường xx, quận xx; căn nhà ký hiệu số Xx tại Dự án khu dân cư ven sông The Hestia và Thửa đất tại Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP290624, Thửa đất số 419, Tờ bản đồ số 4.

Ông T T H đề nghị Tòa án giải quyết phân chia đối với tài sản chung là Căn hộ số xx, lô x, tầng x chung cư cao tầng số xx Lạc Long Quân, Phường x, Quận xx. Ông H đề nghị Tòa án giải quyết giao cho ông toàn quyền sở hữu đối với căn hộ này để làm nơi cư trú, sinh sống, nuôi dưỡng con vì hiện nay ông H không có nhà ở, phải thuê nhà ở tạm trong khi bà H2 đang quản lý và cho thuê đối với các căn nhà còn lại. Ông H đồng ý thanh toán trả lại cho bà H2 50% giá trị nhà là phần sở hữu của bà H2 trong căn hộ này.

Về nợ chung:

Không có.

Về các vấn đề khác:

Không có.

Tại phiên tòa, ông T T H giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T T N; đồng ý giao trẻ T Đ N2 cho bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng phụ tiền cho bên nào nuôi con. Về phần tài sản chung thì ông H xác định xin rút lại một phần yêu cầu phân chia tài sản chung đối với tài sản là căn hộ mã số Xx, tầng lầu x, khối x Dự án Natural Poem, tại địa chỉ x (số mới x) Kinh Dương Vương, phường xx, quận xx; căn nhà ký hiệu số Xx tại Dự án khu dân cư ven sông The Hestia và Thửa đất tại Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP290624, Thửa đất số 419, Tờ bản đồ số 4. Đối với Căn hộ số xx, lô x, tầng x chung cư cao tầng số xx Lạc Long Quân, Phường x, Quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT72974 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/4/2018) thì ông H đề nghị Tòa án giải quyết giao cho ông toàn quyền sở hữu để làm nơi cư trú, sinh sống, nuôi dưỡng con vì hiện nay ông không có nhà ở. Ông H đồng ý thanh toán trả lại cho bà H2 50% giá trị nhà là phần sở hữu của bà H2 trong căn hộ này.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/10/2022, bị đơn là bà T T N H trình bày:

Về hôn nhân:

Bà T T N H và ông T T H tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn đúng như ông H trình bày.

Bà H2 thừa nhận giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ hơn một năm. Vợ chồng thường xuyên tranh cãi nhau. Bà H2 xác định không còn tình cảm với ông H nên đề nghị Tòa án chấp nhận cho hai bên được ly hôn để rõ ràng về mặt pháp lý.

Về con chung:

Bà H2 xác nhận vợ chồng chúng có với nhau hai người con chung là trẻ T T N (nam, sinh ngày 23/12/2014) và trẻ T Đ N2 (nữ, sinh ngày 21/11/2017). Nếu ly hôn, bà H2 đồng ý giao trẻ T T N cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T Đ N2. Không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào nuôi con.

Về tài sản chung:

Bà H2 xác định vợ chồng có các tài sản đúng như lời trình bày của ông H. Bà H2 đề nghị Tòa án để cho hai bên được tự thỏa thuận giải quyết phân chia. Bà H2 đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết phân chia tài sản chung.

Về nợ chung:

Không có.

Về các vấn đề khác:

Không có.

Tại phiên tòa, bà T T N H vắng mặt nên không có lời trình bày bổ sung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà N T N B trình bày:

Bà N T N B thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Thẩm phán còn có khuyến khích là chậm đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân Quận 11 nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông T T H khởi kiện đối với bà T T N H, yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung vợ chồng; bà T T N H cư trú tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, tranh chấp về chia tài sản chung vợ chồng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà N T Q N, bà T T A V có đơn xin vắng mặt; ông P V H3 và bà N T X N3 không có đơn xin vắng mặt. Tuy nhiên, tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện lập ngày 19/9/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định xin rút một phần yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do đó, Tòa án không tiếp tục triệu tập bà N T Q N, bà T T A V, ông P V H3 và bà N T X N3 tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn là bà T T N H cư trú tại Quận 11 tại thời điểm Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau khi Tòa án tiến hành hòa giải thì bị đơn tự ý bỏ đi khỏi nơi cư trú và không khai báo tạm trú, tạm vắng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý cư trú. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ nhất cho bị đơn nhưng tại ngày mở phiên tòa 25/01/2024 đương sự vắng mặt. Tòa án tiếp tục tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa hôm nay đương sự vẫn vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông T T H:

Về hôn nhân:

Ông T T H và bà T T N H là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 3912, Quyền số 14 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa ông T T H và bà T T N H phát sinh mâu thuẫn do có quan điểm sống khác biệt nhau nên ông H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để rõ ràng về mặt pháp lý. Yêu cầu này của ông H được bà H2 chấp nhận và đồng ý ly hôn với ông H. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T T H và bà T T N H.

Về con chung:

Ông T T H và bà T T N H có với nhau hai người con chung là trẻ T T N (nam, sinh ngày 23/12/2014) và trẻ T Đ N2 (nữ, sinh ngày 21/11/2017). Tại đơn khởi kiện, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung nhưng sau khi giữa ông H và bà H2 thống nhất thỏa thuận tại Biên bản hòa giải ngày 28/10/2022 thì bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N2; ông H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N; không bên nào phải cấp

dưỡng phụ tiền cho bên nào nuôi con. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ T T N thì trẻ N có nguyện vọng muốn được sống chung với cha là ông H. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa hai bên, giao cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T T N, giao cho bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T Đ N2. Không bên nào phải cấp dưỡng phụ tiền cho bên nào nuôi con.

Về tài sản chung:

Ngày 19/9/2023 ông T T H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung vợ chồng. Tại phiên tòa, ông H tiếp tục xác nhận ý chí xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung vợ chồng đối với các tài sản là căn hộ mã số Xx, tầng lầu x, khối x Dự án Natural Poem, tại địa chỉ x (số mới x) Kinh Dương Vương, phường xx, quận xx; căn nhà ký hiệu số Xx tại Dự án khu dân cư ven sông The Hestia và Thửa đất tại Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP290624, Thửa đất số 419, Tờ bản đồ số 4. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút.

Ông T T H yêu cầu giải quyết phân chia đối với tài sản chung là Căn hộ số xx, lô x, tầng x chung cư cao tầng số xx Lạc Long Quân, Phường x, Quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT72974 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/4/2018). Ông H đề nghị Tòa án giải quyết giao cho ông toàn quyền sở hữu đối với căn hộ này để làm nơi cư trú, sinh sống, nuôi dưỡng con vì hiện nay ông không có nhà ở, phải thuê nhà ở tạm trong khi bà H2 đang quản lý và cho thuê đối với các căn nhà còn lại. Ông H đồng ý thanh toán trả lại cho bà H2 50% giá trị nhà là phần sở hữu của bà H2 trong căn hộ này.

Tại Công văn số 8397/VPĐK-ĐK ngày 12/9/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: “*Trường hợp hai bên có tranh chấp chia tài sản chung vợ chồng thì ông T T H (là người có quốc tịch Đài Loan - Trung Quốc) được xem xét đăng ký quyền sở hữu theo quy định tại Điều 74 và Điều 75 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở*”.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 31/10/2023, Hội đồng định giá tài sản xác định Căn hộ số xx, lô x, tầng x chung cư cao tầng số xx Lạc Long Quân, Phường x, Quận xx có giá là 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy ông T T H phải trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T T N nên cần phải có nơi cư trú ổn định để tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ N sinh sống, học tập; căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T T H, giao cho ông H toàn quyền sở hữu Căn hộ số xx, lô x, tầng x chung cư cao tầng số xx Lạc Long Quân, Phường x, Quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh; ông T T H phải thanh toán cho bà T T N H 50% giá trị căn hộ tại thời điểm thi hành án.

Về nợ chung:

Hai bên xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về các vấn đề khác:

Hai bên xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét ý kiến của bị đơn – bà T T N H:

Về hôn nhân:

Bà T T N H và ông T T H là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 3912, Quyển số 14 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà H2 xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H. Bà H2 đồng ý ly hôn với ông H. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T T N H và ông T T H.

Về con chung:

Ông T T H và bà T T N H có với nhau hai người con chung là trẻ T T N (nam, sinh ngày 23/12/2014) và trẻ T Đ N2 (nữ, sinh ngày 21/11/2017). Bà H2 đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T Đ N2, giao cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T T N; không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào nuôi con. Ý kiến của bà H2 đã được ông H chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa hai bên.

Về tài sản chung:

Bà T T N H xác định vợ chồng có các tài sản đúng như lời trình bày của ông T T H. Bà H2 đề nghị Tòa án để cho hai bên được tự thỏa thuận giải quyết phân chia. Bà H2 đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết phân chia tài sản chung.

Ông T T H đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung nhưng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu phân chia đối với Căn hộ số xx, lô x, tầng x chung cư cao tầng số xx Lạc Long Quân, Phường x, Quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh; yêu cầu được toàn quyền sở hữu đối với căn hộ nêu trên và đồng ý thanh toán trả lại cho bà H2 50% giá trị nhà là phần sở hữu của bà H2 trong căn hộ trên. Quá trình giải quyết vụ án, bà H2 tự ý bỏ đi khỏi nơi cư trú nên không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu này của ông H. Hội đồng xét xử xét thấy bà H2 tự ý bỏ đi khỏi nơi cư trú trong khi Tòa án đang giải quyết vụ án là đã tự ý từ bỏ quyền lợi tham gia giải quyết vụ án, từ bỏ quyền được nêu ý kiến bảo vệ quyền lợi của mình nên Hội đồng không có cơ sở xem xét ý kiến của bà H2.

Về nợ chung:

Hai bên xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về các vấn đề khác:

Hai bên xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11:

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên về việc Thẩm phán đã chậm đưa vụ án ra xét xử.

[6] Về xem xét nghĩa vụ chịu chi phí định giá, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ngày 06/10/2023, Tòa án nhân dân Quận 11 đã ra Quyết định định giá tài sản đối với Căn hộ số xx, lô x, tầng x chung cư cao tầng số xx Lạc Long Quân, Phường x, Quận xx. Ngày 31/10/2023, Hội đồng định giá tài sản đã tiến hành định giá đối với căn hộ nêu trên. Kết quả định giá đã xác định tài sản xác định căn hộ nêu trên có giá là 2.500.000.000 đồng.

Ngày 13/11/2023, Tòa án nhân dân Quận 11 đã ra Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ đối với Căn hộ số xx, lô x, tầng x chung cư cao tầng số xx Lạc Long Quân, Phường x, Quận xx. Ngày 06/12/2023 Tòa án nhân dân Quận 11 đã phối hợp cùng với địa phương xem xét, thẩm định tại chỗ đối với căn hộ nêu trên. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn về tài sản và xác định được căn hộ đang để trống, không có cá nhân, tổ chức nào đang cư trú, sinh sống, kinh doanh tại căn hộ nêu trên.

Nguyên đơn có đơn tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về phần nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[7] Về án phí:

Ông T T H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông T T H yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung vợ chồng đối với Căn hộ số xx, lô x, tầng x chung cư cao tầng số xx Lạc Long Quân, Phường x, Quận xx. Căn hộ trên được xác định có giá trị là 2.500.000.000 đồng. Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông H, giao cho ông H toàn quyền sở hữu đối với căn hộ nêu trên và chấp nhận yêu cầu của ông H đồng ý thanh toán trả lại cho bà H2 50% giá trị nhà là phần sở hữu của bà H2 trong căn hộ. Vì vậy, bà T T N H và ông T T H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung tương ứng với phần giá trị được hưởng là 1.250.000.000 đồng. Tiền án phí mỗi bên phải chịu là 49.500.000 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tsai Tung Ho.

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông T T H được ly hôn với bà T T N H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 3912, Quyền số 14 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2009 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung:

Bà T T N H và ông T T H chung sống có với nhau hai người con chung là trẻ T T N (nam, sinh ngày 23/12/2014) và trẻ T Đ N2 (nữ, sinh ngày 21/11/2017).

Giao trẻ T T N cho ông T T H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao trẻ T Đ N2 cho bà T T N H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng phụ tiền cho bên nào nuôi con.

Việc giao nhận con do hai bên tự thực hiện ngay khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ông T T H và bà T T N H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông H và bà H2 thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T T H về việc chia tài sản chung khi ly hôn:

Giao cho ông T T H toàn quyền sở hữu Căn hộ số xx, lô x, tầng x chung cư cao tầng số xx Lạc Long Quân, Phường x, Quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT72974 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/4/2018). Ông T T H có nghĩa vụ thanh toán cho bà T T N H 50% giá trị căn hộ nêu trên tại thời điểm thi hành án.

Ông T T H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cập nhật biến động chủ sở hữu đối với Căn hộ số xx, lô x, tầng x chung cư cao tầng số xx Lạc Long Quân, Phường x, Quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho bà T T N H 50% giá trị căn hộ.

1.4. Về nợ chung:

Không có.

1.5. Về các vấn đề khác:

Không có.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông T T H về phân chia tài sản chung là căn hộ mã số Xx, tầng lầu x, khối x Dự án Natural Poem, tại địa chỉ x (số mới x) Kinh Dương Vương, phường xx, quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh, căn nhà ký hiệu số Xx tại Dự án khu dân cư ven sông The Hestia và thửa đất tại Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP290624, Thửa đất số 419, Tờ bản đồ số 4.

3. Về án phí:

Ông T T H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0020342 ngày 08/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T T N H và ông T T H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung, tiền án phí mỗi bên phải chịu là 49.500.000 đồng (bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Phần án phí của ông T T H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.500.000 đồng (ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0020341 ngày 08/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Tsai Tung Ho còn phải nộp bổ sung số tiền là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền kháng nghị:

Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Cơ Dũng